

<b>JDF 1011</b>	<b>Petition for Divorce or Legal Separation</b> <b>Đơn xin Ly hôn hoặc Ly thân Hợp pháp</b>	
<b>1. District Court</b> <b>Tòa án Địa phương</b> Colorado County: _____ Quận thuộc Colorado: _____ Mailing Address: _____ Địa chỉ nhận Thư: _____	<i>This box is for court use only.</i> <i>Ô này chỉ dành cho tòa án.</i>	
<b>2. Parties to the Case</b> <b>Các bên Tham gia Vụ việc</b> Petitioner: _____ Nguyên đơn: & & Respondent: _____ Bị đơn: <small>(or Co-petitioner)</small> <small>(hoặc Đồng nguyên đơn)</small>		
<b>3. Filed by</b> <b>Nộp bởi</b> Name: _____ Họ tên: Mailing Address: _____ Địa chỉ nhận Thư: City: _____ St: _____ Zip: _____ Thành phố: _____ Đường/phố: Mã Zip: Phone: _____ Điện thoại: Email: _____ Email:	<b>4. Case Details</b> <b>Chi tiết Vụ việc</b> Number: _____ Số: Division: _____ Bộ phận: Courtroom: _____ Phòng xét xử:	

## 5. Case Type

### Loại Hồ sơ

I request a: *(check one)*       Divorce.       Legal Separation.

*Tôi yêu cầu: (chọn một)*      Ly hôn.      Ly thân Hợp pháp.

From a: *(check one)*       Marriage.       Civil Union.

*Từ: (chọn một)*      Hôn nhân.      Kết hợp Dân sự.

Do you and your spouse have children? *(check one)*       No.       Yes.

*Quý vị và vợ/chồng mình có con không? (chọn một)*      Không.      Có.

I file this under Colorado Revised Statute (C.R.S.) section (§) 14-10-106 or 106.5.

*Tôi nộp đơn này theo Quy chế Colorado Sửa đổi (C.R.S.) mục (§) 14-10-106 hoặc 106.5.*

## 6. Parties Information

### Thông tin các Bên

Also, file form *JDF 1000 - Case Information Sheet* with this Petition.  
Ngoài ra, cần nộp mẫu *JDF 1000 - Tờ Thông tin Hồ sơ* cùng với Đơn xin này.

#### Petitioner's Information (Pt)

##### Thông tin của Nguyên đơn (Pt)

Full Legal Name: \_\_\_\_\_

Tên Hợp pháp Đầy đủ:

Residential Address: \_\_\_\_\_

Địa chỉ Cư trú:

How long have you lived in Colorado? (List dates MM/YY) from: \_\_\_\_\_ to: \_\_\_\_\_

Quý vị đã sống ở Colorado được bao lâu? (Liệt kê các ngày MM/YY) từ: \_\_\_\_\_ đến: \_\_\_\_\_

#### Respondent's (or Co-Petitioner) Information (R/C)

##### Thông tin của Bị đơn (hoặc Đồng Nguyên đơn) (R/C)

Full Legal Name: \_\_\_\_\_

Tên Hợp pháp Đầy đủ:

Residential Address: \_\_\_\_\_

Địa chỉ Cư trú:

How long have you lived in Colorado? (List dates MM/YY) from: \_\_\_\_\_ to: \_\_\_\_\_

Quý vị đã sống ở Colorado được bao lâu? (Liệt kê các ngày MM/YY) từ: \_\_\_\_\_ đến: \_\_\_\_\_

## 7. Relationship Information

### Thông tin Mối quan hệ

The parties were married or entered a civil union:

Các bên đã kết hôn hoặc đã kết hợp dân sự:

a) On: (date) \_\_\_\_\_

Vào: (ngày)

b) In: (city/state or country) \_\_\_\_\_

Tại: (thành phố/tiểu bang hoặc quốc gia)

The parties separated on: (date) \_\_\_\_\_

Hai bên ly thân vào: (ngày)

The marriage or civil union is irretrievably broken and cannot be repaired.

Cuộc hôn nhân và kết hợp dân sự tan vỡ không thể cứu vãn và không thể hàn gắn.

## 8. Children

### Con cái

Is either party expecting a child?  Yes.  No. \*

Một trong hai bên sắp sinh con?  Có.  Không. \*

\* If you don't have children, skip to [Section 9].

\* Nếu quý vị không có con, hãy chuyển đến [Mục 9].

### a) List of Children

#### Danh sách Con cái

Also, list the children under 19 on page 2 of form JDF 1000 – Case Information Sheet.

Ngoài ra, hãy liệt kê con cái dưới 19 tuổi ở trang 2 của mẫu JDF 1000 – Tờ Thông tin Hồ sơ.

List the name, age, and address of any living children from this marriage/civil union:

Liệt kê tên, tuổi, và địa chỉ của bất kỳ đứa con nào còn sống từ cuộc hôn nhân/kết hợp dân sự này:

1) Name: \_\_\_\_\_ Age: \_\_\_\_\_

Họ tên: \_\_\_\_\_ Tuổi: \_\_\_\_\_

Address: \_\_\_\_\_

Địa chỉ:

Pt is a:  Biological Parent.  Adopted (by decree) Parent.  \_\_\_\_\_

Pt là:  Cha mẹ đẻ.  Cha mẹ Nhận nuôi (theo quyết định).  \_\_\_\_\_

R/C is a:  Biological Parent.  Adopted (by decree) Parent.  \_\_\_\_\_

R/C là:  Cha mẹ đẻ.  Cha mẹ Nhận nuôi (theo quyết định).

2) Name: \_\_\_\_\_ Age: \_\_\_\_\_  
Họ tên: \_\_\_\_\_ Tuổi: \_\_\_\_\_

Address: \_\_\_\_\_

Địa chỉ:

Pt is a:  Biological Parent.  Adopted (by decree) Parent.  \_\_\_\_\_

Pt là:  Cha mẹ đẻ.  Cha mẹ Nhận nuôi (theo quyết định).

R/C is a:  Biological Parent.  Adopted (by decree) Parent.  \_\_\_\_\_

R/C là:  Cha mẹ đẻ.  Cha mẹ Nhận nuôi (theo quyết định).

3) Name: \_\_\_\_\_ Age: \_\_\_\_\_

Họ tên: \_\_\_\_\_ Tuổi: \_\_\_\_\_

Address: \_\_\_\_\_

Địa chỉ:

Pt is a:  Biological Parent.  Adopted (by decree) Parent.  \_\_\_\_\_

Pt là:  Cha mẹ đẻ.  Cha mẹ Nhận nuôi (theo quyết định).

R/C is a:  Biological Parent.  Adopted (by decree) Parent.  \_\_\_\_\_

R/C là:  Cha mẹ đẻ.  Cha mẹ Nhận nuôi (theo quyết định).

List more children on JDF 1091.  
Liệt kê thêm con cái trên mẫu JDF 1091.

## b) Native American Indian Heritage

### *Di sản Người Mỹ Bản địa/Thổ dân Mỹ*

Are the listed children Native American Indian?  Yes. \*  No.

Những trẻ được liệt kê có phải là Người Mỹ Bản địa/Thổ dân Mỹ không?  Có.  Không.

\* If yes: 1) Which tribe? \_\_\_\_\_

\* Nếu có: 1) Bộ lạc nào?

2) Enrollment/Member Number: \_\_\_\_\_

Mã Ghi danh/Thành viên:

3) Also, file form: JDF 1350 – ICWA Assessment.

Ngoài ra, hãy nộp mẫu: JDF 1350 – Đánh giá ICWA.

## c) Children's Residency

### *Nơi cư trú của Con cái*

Have the children lived in Colorado for at least 182 days before this Petition was filed?

Trẻ có sống ở Colorado ít nhất 182 ngày trước khi Đơn xin này được nộp không?

(Or, since birth if the child is under six months old?)  Yes.  No. \*

(Hoặc, kể từ khi sinh ra nếu trẻ dưới sáu tháng tuổi?)  Có.  Không. \*

\* If No: Where has that child been living?

\* Nếu không: Trẻ đó đã sống ở đâu?

Full Name of Child <i>Tên đầy đủ của Trẻ</i>	Name of Adult with whom Child Lived <i>(if not parent)</i> <i>Tên của Người lớn sống cùng</i> <i>Trẻ (nếu không phải là cha/mẹ)</i>	State Moved From <i>Chuyển đến từ</i> <i>Tiểu bang nào</i>	Date Moved to Colorado <i>(MM/DD/YY)</i> <i>Ngày Chuyển</i> <i>đến Colorado</i> <i>(MM/DD/YY)</i>

**d) Other Adults**

***Người lớn khác***

Identify who the children have lived with over the past five years. Please identify that person's relationship to the children.

*Ghi rõ trẻ đã sống với ai trong 5 năm qua. Vui lòng ghi rõ mối quan hệ của người đó với trẻ.*

Name <i>Họ tên</i>	Address <i>(with City/State/Zip)</i> <b>Địa chỉ</b> <i>(gồm Thành phố/Tiểu bang/Mã Zip)</i>	Time Period <i>(Month/Year)</i> <b>Khoảng thời</b> <b>gian</b> <i>(Tháng/Năm)</i>	Relationship Type <b>Loại hình Mối</b> <b>quan hệ</b>

The following people are not parties in this matter but have:

*Những người sau đây không phải là các bên trong sự việc này nhưng có:*

- physical custody of the children; or  
*quyền nuôi trẻ; hoặc*
- claim rights of parental responsibilities, legal custody, or parenting time.  
*đòi các quyền về trách nhiệm làm cha mẹ, quyền giám hộ hợp pháp, hoặc thời gian nuôi*  
*dạy con cái.*

Name of Person <i>Tên của Cá nhân</i>	Address <i>(with City/State/Zip)</i> <b>Địa chỉ</b> <i>(gồm Thành phố/Tiểu bang/Mã Zip)</i>

**e) Genetic Testing**

**Xét nghiệm Di truyền**

You can request genetic testing. The Court will not hold this request against you when deciding the case's outcome.

Quý vị có thể yêu cầu xét nghiệm di truyền. Tòa án sẽ không vì yêu cầu này mà làm ảnh hưởng đến quý vị khi quyết định kết quả vụ việc.

You must do testing and submit the results before the Court establishes who the parents are (*parentage*) and issues final orders. After that time, it may be too late to submit genetic testing evidence. The law that directs this process is C.R.S. § 14-10-124(1.5).

Quý vị phải làm xét nghiệm và nộp kết quả trước khi Tòa xác định cha mẹ (*cha mẹ đẻ*) là ai và ban hành các lệnh cuối cùng. Sau thời gian này, có thể sẽ là quá muộn để nộp bằng chứng xét nghiệm di truyền. Luật chỉ đạo quá trình này là C.R.S. § 14-10-124(1.5).

**f) Child Support Services**

**Dịch vụ Hỗ trợ Trẻ em**

If checked, there's a case with Child Support Services (*CSS*).

Nếu đánh dấu, sẽ có trường hợp liên quan đến Dịch vụ Cấp dưỡng Nuôi con (*CSS*).

Case Number: \_\_\_\_\_ County: \_\_\_\_\_

Mã Vụ việc: \_\_\_\_\_ Quận: \_\_\_\_\_

**9. Other Court Cases**

**Các Vụ việc Tòa án Khác**

List all court proceedings involving the parties or children.

Liệt kê tất cả các thủ tục tố tụng tại tòa liên quan đến các bên hoặc trẻ.

Name of Court Tên Tòa án	Case Number Mã Vụ việc	State Tiểu bang	Date of Proceeding Ngày Tiến hành	Type of Proceeding Loại Thủ tục Tố tụng

Court proceedings that could affect this case: (*some examples*)

Thủ tục tố tụng tại tòa mà có thể ảnh hưởng đến vụ việc này: (*vài ví dụ*)

- Divorce Proceedings,  
Thủ tục Ly hôn,



(List prior first, middle, and last name) \_\_\_\_\_

(Ghi tên, đệm, và họ trước đây)

## 12. Relief Requested

### **Yêu cầu Hỗ trợ**

I/We ask the court to make orders regarding the marriage or civil union status, division of property and debts, and creation of a parenting plan and child support if applicable.

Tôi/Chúng tôi đề nghị tòa án ra lệnh liên quan đến tình trạng hôn nhân hoặc kết hợp dân sự, phân chia tài sản và các khoản nợ, cũng như lập kế hoạch nuôi dạy con cái và cấp dưỡng nuôi con nếu có.

Also, issue orders to/for: *(check all that apply)*

Ngoài ra, ban hành lệnh để/cho: *(đánh dấu tất cả lựa chọn phù hợp)*

Spousal Support (maintenance/alimony).

*Hỗ trợ cho Vợ chồng (cấp dưỡng/trợ cấp).*

Pay my lawyer's fees and court costs.

*Trả phí luật sư và phí tòa án của tôi.*

Other: \_\_\_\_\_

*Khác:*

## 13. Automatic Court Orders (Temporary Injunction)

### **Lệnh Tòa án Tự động (Lệnh Tạm thời)**

As soon as you file this Petition, you must obey these orders:

*Ngay khi quý vị nộp Đơn xin này, quý vị phải tuân theo các lệnh sau:*

- a) Do *not* sell, transfer, assign, borrow against, hide, or get rid of any marital property without permission of the other party or the court. You may use your income for your usual business expenses and life necessities.

*Không bán, chuyển nhượng, chỉ định, mượn, cất giấu, hoặc loại bỏ bất kỳ tài sản hôn nhân nào mà không được phép của bên kia hoặc tòa án. Quý vị có thể sử dụng thu nhập của mình cho các chi phí kinh doanh thông thường và nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống của quý vị.*

- b) Do *not* disturb the peace of the other parent or parties in this case.

*Không làm phiền sự bình yên của vợ/chồng hoặc bên còn lại trong vụ việc này.*

- c) Only take the children, in this case, out of the state with permission from the Court or the other party.

*Chỉ đưa trẻ, trong vụ việc này, ra khỏi tiểu bang khi có sự cho phép của Tòa án hoặc bên còn lại.*



- d) Do *not* stop paying, cancel, or make any changes to health, homeowner's, renter's, automobile, or life insurance policies that cover the children or a party in this case or that name a child or a party as a beneficiary.

*Không dừng việc thanh toán, hủy bỏ, hoặc thực hiện bất kỳ thay đổi nào đối với các hợp đồng sức khỏe, hợp đồng của chủ nhà, hợp đồng của người thuê nhà, hợp đồng xe hơi, hoặc hợp đồng bảo hiểm nhân thọ mà đòi hỏi cho con cái hoặc bên còn lại trong vụ việc này hoặc có tên người thụ hưởng là trẻ hoặc bên còn lại.*

**Exception:** You may change insurance coverage if you have written permission from the other parent or party or a court order and give at least 14 days' Notice to the other party. C.R.S. §§ 14-10-107, 108.

**Trường hợp ngoại lệ:** Quý vị có thể thay đổi phạm vi bảo hiểm nếu quý vị được vợ/chồng hoặc bên còn lại cho phép bằng văn bản hoặc theo lệnh của tòa án và quý vị gửi Thông báo trước ít nhất 14 ngày cho bên kia. C.R.S. §§ 14-10-107, 108.

You must obey these orders until this case is finalized or dismissed or the Court changes these orders. To request a change, you may use form *JDF 1314 – General Motion*.

Quý vị phải tuân theo các lệnh này cho đến khi vụ việc này kết thúc hoặc bị bác bỏ hoặc Tòa án thay đổi các lệnh này. Để yêu cầu thay đổi, quý vị có thể sử dụng mẫu *JDF 1314 – Kiến nghị Chung*.

## 14. Verified Signature

**Chữ ký đã Xác minh**

**Petitioner**

**Nguyên đơn**

I declare under penalty of perjury under the law of Colorado that the foregoing is true and correct.  
*Tôi tuyên bố và xin chịu hình phạt về tội khai man theo luật Colorado rằng những điều cung cấp trên đây là sự thật và chính xác.*

Executed on the *(date)* \_\_\_\_\_ day of *(month)* \_\_\_\_\_ *(year)* \_\_\_\_\_  
*Thực hiện vào ngày (ngày) \_\_\_\_\_ của (tháng) \_\_\_\_\_ (năm) \_\_\_\_\_*

at City: *(or other location)* \_\_\_\_\_  
*tại Thành phố: (hoặc địa điểm khác)*

and State: *(or country)* \_\_\_\_\_  
*và Tiểu bang: (hoặc quốc gia)*

Print Your Name: \_\_\_\_\_  
*Viết In hoa Tên Quý vị:*

Your Signature: \_\_\_\_\_  
*Chữ ký của Quý vị:*

Lawyer Signature: *(If any)* \_\_\_\_\_  
*Chữ ký của Luật sư: (Nếu có)*

**Co-Petitioner (if any)**

**Đồng-Nguyên đơn (nếu có)**

I declare under penalty of perjury under the law of Colorado that the foregoing is true and correct.

Tôi tuyên bố và xin chịu hình phạt về tội khai man theo luật Colorado rằng những điều cung cấp trên đây là sự thật và chính xác.

Executed on the (date) \_\_\_\_\_ day of (month) \_\_\_\_\_ (year) \_\_\_\_\_  
Thực hiện vào ngày (ngày) \_\_\_\_\_ của (tháng) \_\_\_\_\_ (năm) \_\_\_\_\_

at City: (or other location) \_\_\_\_\_  
tại Thành phố: (hoặc địa điểm khác)

and State: (or country) \_\_\_\_\_  
và Tiểu bang: (hoặc quốc gia)

Print Your Name: \_\_\_\_\_  
Viết In hoa Tên Quý vị:

Your Signature: \_\_\_\_\_  
Chữ ký của Quý vị:

Lawyer Signature: (If any) \_\_\_\_\_  
Chữ ký của Luật sư: (Nếu có)